

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HC-PT
Ngày 07 tháng 5 năm 2020
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính thuộc trường hợp bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế
thu hồi đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký tòa án nhân dân
Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
386/2017/TLPT-HC ngày 31 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Khiếu kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2017/HCST ngày 13 tháng 9 năm
2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 394/2020/QĐXXPT-
HC, ngày 21/4/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần D, sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường T2 S, thành phố P R – T1 C, tỉnh N T

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân thành phố P R – T1 C, tỉnh N T

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P R – T1 C, tỉnh N T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn P1– Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 6A đường 21/8, thành phố P R – T1 C, tỉnh N T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người khởi kiện ông Trần D trình bày:

Năm 2011, ông Trần D nhận được Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố P R – T1 C thu hồi 286 m² đất thổ cư có nhà ở tại phường T2 S, thành phố P R – T1 C, tỉnh N T (thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 2) để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông được thực hiện tại Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 28/3/2011 của UBND thành phố P R – T1 C với tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ là 128.529.188 đồng, với giá bồi thường thu hồi đất là 60.000 đ/m² cho đất trồng cây lâu năm có nhà ở tại đô thị và không hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật.

Ông không đồng ý với Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 của UBND thành phố P R – T1 C nên đã làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố P R – T1 C nhưng chưa được UBND thành phố giải quyết.

Cho đến thời điểm hiện nay ông chưa được giải quyết khiếu nại, chưa nhận tiền bồi thường và chưa được nhận hỗ trợ tái định cư của người có đất bị thu hồi. Như vậy là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, vi phạm pháp luật được quy định tại các Điều 30, Khoản 1 Điều 32, điểm a, khoản 5, Điều 71 và Điều 83 của Luật đất đai năm 2013; Điều 13 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường và các Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N T giải quyết:

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (khu K1);

- Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND Thành phố P R – T1 C ông Trần Minh T3 có bản trình bày ý kiến:

Thứ nhất, UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (khu K1):

Ngày 28/3/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1646/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc TP P R – T1 C (khu K1). Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 128.529.188 đồng.

Căn cứ điểm a,b, Mục 8 Thông báo số 171/TB-UBND ngày 05/5/2016 của Văn phòng UBND tỉnh N T về kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Văn H tại cuộc họp nghe báo cáo giải quyết các vướng mắc vụ ông Nguyễn Văn T4; dự án khu đô thị mới Đông Bắc và dự án Khu đô thị Biển Bình S1 – Ninh C1

Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh N T về việc quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh N t và quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 về việc điều chỉnh đơn giá đất ở trung bình để hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường không quá 750 m² khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (Khu K1) thay cho Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 23/12/2010, Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 13/12/2011.

Ngày 18/5/2016, UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc TP P R – T1 C (khu K1) với tổng số tiền là 19.676.800 đồng.

Ngày 25/5/2016 UBND phường T2 S phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đã triển khai Quyết định số 868/QĐ-UBND đến ông Trần D. Như

vậy, việc UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 là đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, Chủ tịch UBND thành phố P R- T1 C ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần D:

- Về căn cứ pháp lý: Căn cứ Điểm d, Khoản 3, Điều 69, Khoản 2, Điều 71, Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường.

- Về trình tự thực hiện: Sau khi ban hành Quyết định thu hồi và triển khai quyết định đến hộ ông Trần D, Trung tâm phát triển quỹ đất N T phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND phường T2 S, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường T2 S đã tiến hành mời hộ ông Trần D đến để vận động nhiều lần nhưng hộ ông D không đồng ý bàn giao mặt bằng.

Ngày 10/4/2017 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh có Văn bản số 753/TTPTQĐ-BTGPMB về việc đề nghị ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất 07 hộ gia đình, cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất tại Khu K1, trong đó có hộ ông Trần D.

Ngày 25/4/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có tờ trình số 540/TTr-TNMT về việc ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại phường T2 S giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (Khu K1).

Ngày 28/4/2017, Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần D. Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, việc ông Trần D yêu cầu giải quyết buộc UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016 là không có cơ sở giải quyết.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh N T bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần D và giữ nguyên Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C và Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2017/HCST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N T, quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 213 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Căn cứ khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần D về việc:

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (khu K1);

- Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/9/2017, ông Trần D kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D; hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C về việc cưỡng chế thu hồi đất và buộc UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông Trần D đúng quy định pháp luật của thời điểm 2016.

Tại phiên tòa, ông Trần D giữ nguyên đơn kháng cáo và cho rằng đất có nguồn gốc của gia đình ông nên khi thu hồi đất phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Tuy nhiên, đến nay, ông vẫn chưa nhận được đất tái định cư nên ông kháng cáo yêu cầu hủy các quyết định trên và phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông theo giá đất năm 2016.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục tố tụng, đương sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định nhưng vụ án giải quyết thời hạn còn kéo dài. Về

nội dung vụ án, đất của ông Trần D bị thu hồi nhằm thực hiện dự án đã được UBND tỉnh N T phê duyệt xây dựng khu đô thị mới Đông Bắc (khu K1), thành phố P R – T1 C, nên đây là dự án của nhà nước; UBND thành phố P R – T1 C đã ban hành các quyết định về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và bổ sung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần D đúng quy định của pháp luật; do ông Trần D không chịu trả tiền để nhận đất tái định cư, dẫn đến không giao đất nên Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất là đúng pháp luật. Mặt khác, đất thu hồi năm 2011, nên áp dụng Luật đất đai năm 2003 và các Văn bản hướng dẫn Luật đất đai năm 2003 để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần D là đúng quy định. Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Trần D, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của ông Trần D hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Trần D, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế thu hồi đất” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C về việc cưỡng chế thu hồi đất và yêu cầu UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông Trần D, theo giá đất tại thời điểm 2016. Các quyết định trên còn trong thời hiệu khởi kiện và Tòa án nhân dân tỉnh N T giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các Quyết định hành chính: Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 09/3/2010 của UBND tỉnh N T về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Đông Bắc (khu K1), thành phố P R – T1 C và Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 26/3/2010 của UBND tỉnh N T về việc phê duyệt hồ sơ đề xuất và chấp thuận

chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Đông Bắc (Khu K1), thành phố P R – T1 C, thực hiện các quyết định trên, UBND thành phố P R – T1 C đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trần D. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất; do ông Trần D không chịu giao đất Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[3]. Về nội dung của các quyết định bị khởi kiện:

[3.1]. Đối với Quyết định số 868/QĐ-UBND: Ngày 28/3/2011, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1646/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Trần D với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 128.529.188 đồng. Tuy nhiên, tại quyết định trên về phần hỗ trợ tái định cư, ổn định đời sống và sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, UBND thành phố P R – T1 C chưa xem xét giải quyết cho hộ ông Trần D là chưa đúng theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 30/12/2011, UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 5847/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ ông Trần D. Ngày 12/5/2016 UBND thành phố P R – T1 C đã căn cứ Quyết định số 92/QĐ-UBND về việc quy định giá các loại đất năm 2014 trên địa bàn tỉnh N T và Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 về việc điều chỉnh đơn giá đất ở trung bình để hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường không quá 750m² khi Nhà nước thu hồi đất là những quyết định có sau khi nhà nước có quyết định thu hồi đất của ông Trần D, để ban hành Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất, với tổng số tiền là 19.676.800 đồng là có lợi cho ông Trần D.

Nay ông Trần D cũng không cung cấp được văn bản, tài liệu để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giá trị đất cao hơn; đồng thời ông Trần D có yêu cầu UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị, bồi thường theo đơn giá thời điểm 2016 là không có căn cứ chấp nhận. Bởi

vì, khi thu hồi đất UBND thành phố P R - T C đã tái định cư cho ông Trần D một lô đất, ông Trần D có quyết định thu hồi đất từ năm 2011, nên không thể tính bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần D theo đơn giá đất năm 2016.

[3.2]. Đối với Quyết định số 1453/QĐ-UBND: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N T phối hợp với UBND thành phố P R – T1 C và UBND phường T2 S, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường T2 S, Công ty Cổ phần T5 Đ nhiều lần mời ông Trần D đến để nhận tiền bồi thường và vận động bàn giao mặt bằng nhưng ông Trần D vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành bàn giao mặt bằng. Sau khi các cơ quan tham mưu có văn bản đề nghị, tờ trình cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trần D là đúng pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần D là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác đơn kháng cáo của ông Trần D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần D được miễn án phí hành chính phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác đơn khởi kiện của ông Trần D về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố P R – T1 C về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất cho hộ ông Trần D khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Quy hoạch khu đô thị mới Đông Bắc thành phố P R – T1 C (khu K1);

- Hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch UBND thành phố P R – T1 C về việc cưỡng chế thu hồi đất;

- Buộc UBND thành phố P R – T1 C bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất ở đô thị của ông Trần D theo giá đất tại thời điểm năm 2016.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng do ông Trần D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012230 ngày 11/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N T.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần D được miễn. Hoàn trả cho ông Trần D số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0013840 ngày 03/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh N T (1);
- VKSND tỉnh N T (1);
- Cục THADS tỉnh N T (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS (1) VP (6) (PTHH-16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

